

Số: 947/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
cho sinh viên đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-LĐTBXH ngày 22/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2906/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/12/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1838/QĐ-ĐHLĐXH ngày 27/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh, đánh giá và xét công nhận chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1921/QĐ-ĐHLĐXH ngày 26/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định chuyển đổi tương đương, đánh giá và xét công nhận chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1733/QĐ-ĐHLĐXH ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc kiện toàn Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên chính quy ngày 17/5/2024 của Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho 631 sinh viên đại học hệ chính quy dự thi đợt tháng 4/2024, trong đó:

* Khoá 11 (2015-2019): 03 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Quản trị kinh doanh: 03 sinh viên;
- + Ngành Quản trị nhân lực: 01 sinh viên

* Khoá 12 (2016-2020): 03 sinh viên, cụ thể như sau:

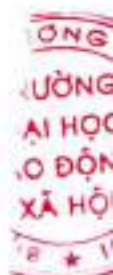
- + Ngành Kế toán: 01 sinh viên;
- + Ngành Quản trị nhân lực: 02 sinh viên.

* Khoá 13 (2017-2021): 10 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Bảo hiểm: 01 sinh viên;
- + Ngành Công tác xã hội: 01 sinh viên;



- + Ngành Kế toán: 04 sinh viên;
- + Ngành Quản trị kinh doanh: 01 sinh viên;
- + Ngành Quản trị nhân lực: 03 sinh viên.
- * Khoá 14 (2018-2022): 24 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 01 sinh viên;
 - + Ngành Công tác xã hội: 02 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 02 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 07 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 01 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 03 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 04 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 04 sinh viên.
- * Khoá 15 (2019-2023): 63 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 01 sinh viên;
 - + Ngành Công tác xã hội: 05 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 14 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 06 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 14 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 14 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý: 09 sinh viên.
- * Khoá 16 (2020-2024): 252 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 06 sinh viên;
 - + Ngành Công nghệ thông tin: 09 sinh viên;
 - + Ngành Công tác xã hội: 07 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 06 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 57 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 31 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 34 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 74 sinh viên;
 - + Ngành Tài chính ngân hàng: 15 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý: 13 sinh viên.
- * Khoá 17 (2021-2025): 265 sinh viên, cụ thể như sau:
 - + Ngành Bảo hiểm: 02 sinh viên;
 - + Ngành Công nghệ thông tin: 02 sinh viên;
 - + Hệ thống thông tin quản lý: 04 sinh viên;
 - + Ngành Kinh tế: 03 sinh viên;
 - + Ngành Kiểm toán: 02 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 12 sinh viên;
 - + Ngành Kế toán: 53 sinh viên;
 - + Ngành Luật kinh tế: 12 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị kinh doanh: 27 sinh viên;
 - + Ngành Quản trị nhân lực: 120 sinh viên;
 - + Ngành Tài chính ngân hàng: 21 sinh viên;
 - + Ngành Tâm lý học: 19 sinh viên.



* Khoá 18 (2022-2026): 10 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Hệ thống thông tin quản lý: 01 sinh viên;
- + Ngành Luật kinh tế: 06 sinh viên
- + Ngành Quản trị nhân lực: 02 sinh viên;
- + Ngành Quản trị kinh doanh: 01 sinh viên.

* Khoá 19 (2023-2027): 01 sinh viên, cụ thể như sau:

- + Ngành Công tác xã hội: 01 sinh viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trường phòng Kế toán - Tài chính, Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

 **HIỆN TRƯỞNG**

TS. Hà Xuân Hùng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
ĐỢT THI THÁNG 4 NĂM 2024 (NGÀY THI 14.4.2024 VÀ 21.4.2024)**

(Kèm theo Quyết định số **947** /QĐ-ĐHLĐXH ngày **17** tháng **5** năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
1	1111050201	Bùi Khánh Linh	15/05/1997	Nữ	D11QK3	505
2	1111050234	Phạm Quốc Trọng	25/09/1997	Nam	D11QK3	540
3	1111010327	Trần Minh Đức	13/08/1997	Nam	D11QL5	415
4	1112020513	Trần Bích Ngọc	13/03/1998	Nữ	D12KT07	595
5	1112010150	Ngô Thị Hiền	04/06/1998	Nữ	D12QL03	470
6	1112010402	Đỗ Hoàng Yến	06/03/1998	Nữ	D12QL06	410
7	1113030023	Nguyễn Thị Hồng Thương	24/05/1998	Nữ	D13BH03	435
8	1113040277	Vũ Thị Linh Chi	30/08/1999	Nữ	D13CT05	415
9	1113020586	Nguyễn Thị Lan Anh	31/10/1999	Nữ	D13KT08	485
10	1113020552	Lê Khánh Linh	14/10/1999	Nữ	D13KT08	465
11	1113020458	Đỗ Thị Mai Anh	09/01/1999	Nữ	D13KT07	430
12	1113020629	Vũ Thị Ngọc Ánh	07/06/1999	Nữ	D13KT09	455
13	1113050133	Lê Thị Minh Huệ	08/04/1999	Nữ	D13QK02	885
14	1113010408	Đặng Hải Yến	10/08/1999	Nữ	D13QL06	440
15	1113010231	Trần Mỹ Linh	23/12/1999	Nữ	D13QL04	770
16	1113010549	Lê Thị Phương Anh	10/06/1999	Nữ	D13QL08	565
17	1114030039	Nguyễn Thanh Hương	28/09/2000	Nữ	D14BH01	590
18	1114040008	Nguyễn Khánh Linh	27/12/2000	Nữ	D14CT03	610
19	1114040147	Dương Minh Đức	10/01/2000	Nam	D14CT03	655
20	1114060119	Đàm Thị Hồng Ngọc	11/05/2000	Nữ	D14KL02	410
21	1114060034	Nguyễn Thị Bích Loan	07/08/2000	Nữ	D14KL01	535
22	1114020118	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/09/2000	Nữ	D14KT02	400
23	1114020395	Hoàng Việt Anh	21/10/2000	Nam	D14KT06	565
24	1114020670	Nguyễn Thị Thủy Linh	21/07/2000	Nữ	D14KT10	410
25	1114020066	Đoàn Thị Phương Thảo	19/08/2000	Nữ	D14KT01	645

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
26	1114020121	Nguyễn Hồng Sơn	08/01/2000	Nam	D14KT02	420
27	1114020465	Trần Khánh Toàn	21/05/2000	Nam	D14KT07	620
28	1114020709	Vũ Hoàng Anh	04/09/2000	Nam	D14STKT01	785
29	1114080145	Nguyễn Đình Phương Anh	08/08/2000	Nữ	D14LK03	495
30	1114050122	Lò Thị Na	01/07/2000	Nữ	D14QK07	560
31	1114050255	Nguyễn Thu Ngân	15/06/2000	Nữ	D14QK04	635
32	1114050392	Phạm Thanh Luân	04/10/2000	Nam	D14QK06	465
33	1114010075	Vũ Thị Thanh Huyền	31/12/2000	Nữ	D14QL02	430
34	1114010117	Trần Đại Nghĩa	01/11/2000	Nam	D14QL02	415
35	1114010171	Đỗ Thị Liễu	03/01/2000	Nữ	D14QL03	415
36	1114010600	Đặng Hồng Vân	30/06/2000	Nữ	D14QL09	550
37	1114070046	Nguyễn Tiến Đồng	26/07/2000	Nam	D14TL01	780
38	1114070104	Lê Hoàng Ngọc Anh	20/04/2000	Nữ	D14TL02	415
39	1114070067	Đỗ Huy Du	23/08/2000	Nam	D14TL02	855
40	1114070072	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	10/12/2000	Nữ	D14TL02	410
41	1115030050	Nguyễn Việt Bắc	15/09/2001	Nam	D15BH01	410
42	1115040023	Vũ Thị Thanh Nga	20/07/2001	Nữ	D15CT01	845
43	1115040119	Phùng Hoài Ngọc	17/09/2001	Nữ	D15CT01	595
44	1115040008	Đinh Phi Ly	22/08/2001	Nam	D15CT01	640
45	1115040121	Phạm Thanh Huyền	02/12/2001	Nữ	D15CT01	640
46	1115040110	Tạ Quốc Phong	01/12/2001	Nam	D15CT02	555
47	1115020126	Triệu Thị Thúy	14/11/2001	Nữ	D15KT02	520
48	1115020157	Trịnh Thanh Huyền	19/12/2001	Nữ	D15KT03	585
49	1115020162	Nguyễn Thị Hằng	25/03/2001	Nữ	D15KT03	440
50	1115020230	Vũ Thị Trang	10/01/2001	Nữ	D15KT04	475
51	1115020315	Lê Thị Quỳnh Anh	04/03/2001	Nữ	D15KT05	760
52	1115020373	Đoàn Thị Kiều Trang	26/02/2001	Nữ	D15KT06	530
53	1115020379	Đoàn Hương Linh	14/12/2001	Nữ	D15KT06	430
54	1115020652	Nguyễn Minh Phương	22/01/2001	Nữ	D15KT10	425
55	1115020282	Ngô Thị Thanh Huyền	19/11/2001	Nữ	D15KT05	410
56	1115020352	Nguyễn Thị Phương Mai	14/02/2001	Nữ	D15KT06	740

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
57	1115020672	Đặng Thị Linh Chi	25/07/2001	Nữ	D15KT06	425
58	1115020423	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/10/2001	Nữ	D15KT07	410
59	1115020460	Vũ Thùy Phương	23/01/2001	Nữ	D15KT08	500
60	1115020584	Dương Thị Khánh Huyền	02/01/2001	Nữ	D15KT09	520
61	1115080007	Nguyễn Linh Chi	02/09/2001	Nữ	D15LK01	665
62	1115080035	Vũ Thị Huyền Trang	16/03/2001	Nữ	D15LK03	430
63	1115080134	Nguyễn Phương Quyên	02/12/2001	Nữ	D15LK03	415
64	1115080136	Nguyễn Thế Mạnh	08/07/2001	Nam	D15LK02	480
65	1115080138	Nguyễn Đức Việt	12/08/2001	Nam	D15LK02	480
66	1115080161	Đặng Trần Thu Hà	01/11/2001	Nữ	D15LK03	435
67	1115050005	Nguyễn Thị Minh Thu	06/05/2001	Nữ	D15QK01	760
68	1115050024	Nguyễn Thị Uyên	24/04/2001	Nữ	D15QK01	470
69	1115050050	Nguyễn Thị Hương	09/01/2001	Nữ	D15QK01	750
70	1115050059	Nguyễn Thị Kiều Trang	14/05/2001	Nữ	D15QK01	780
71	1115050493	Ngô Thị Hương Thảo	23/04/2001	Nữ	D15QK01	790
72	1115050211	Bùi Ngọc Chính	04/01/2001	Nữ	D15QK04	785
73	1115050217	Nguyễn Thị Lam Hương	31/03/2001	Nữ	D15QK04	520
74	1115050222	Trần Anh Bảo	17/02/2001	Nam	D15QK04	510
75	1115050311	Bùi Thị Hoàng Yến	19/03/2001	Nữ	D15QK05	590
76	1115050384	Dương Lan Anh	24/12/2001	Nữ	D15QK07	490
77	1115050410	Phạm Thị Thu Trang	24/07/2001	Nữ	D15QK07	695
78	1115050416	Tổng Quang Đạt	18/01/2001	Nam	D15QK07	755
79	1115050163	Đào Minh Tâm	10/06/2001	Nam	D15QK03	545
80	1115050409	Nguyễn Ngọc Yến	05/08/2001	Nữ	D15QK07	510
81	1115010094	Trịnh Thị Phương Dung	29/04/2001	Nữ	D15QL02	400
82	1115010128	Trần Thị Phi Tuyết	21/08/2001	Nữ	D15QL02	415
83	1115010170	Phạm Thanh Thủy	24/10/2001	Nữ	D15QL03	420
84	1115010269	Nguyễn Ngọc Tú	28/09/2001	Nữ	D15QL05	730
85	1115010369	Nguyễn Trung Đức	17/03/2001	Nam	D15QL06	420
86	1115010391	Đỗ Thị Trà My	25/12/2001	Nữ	D15QL07	460
87	1115010414	Vũ Thị Duyên	14/08/2001	Nữ	D15QL07	495

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
88	1115010018	Đặng Hồng Nga	13/08/2001	Nữ	D15QL01	430
89	1115010047	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/09/2001	Nữ	D15QL01	610
90	1115010084	Đào Anh Tú	02/09/2001	Nam	D15QL02	600
91	1115010195	Nguyễn Thị Linh Linh	31/12/2001	Nữ	D15QL04	455
92	1115010275	Trần Huy Biển	06/01/2001	Nam	D15QL05	445
93	1115010291	Nguyễn Minh Ngọc	18/11/2001	Nữ	D15QL05	570
94	1115010397	Nguyễn Thị Thu Huyền	17/02/2001	Nữ	D15QL07	440
95	1115070058	Ngô Thành Long	15/08/2001	Nam	D15TL01	575
96	1115070104	Dư Ngọc Anh	20/11/2001	Nữ	D15TL02	695
97	1115070019	Ngô Thị Mai	29/08/2000	Nữ	D15TL01	455
98	1115070023	Bùi Gia An	29/11/2001	Nữ	D15TL01	440
99	1115070024	Phạm Thị Hà	02/06/2001	Nữ	D15TL01	425
100	1115070037	Nguyễn Minh Tâm	15/12/2001	Nữ	D15TL01	685
101	1115070063	Đoàn Hà Phương	25/12/2001	Nữ	D15TL02	440
102	1115070100	Đồng Văn Anh	03/05/2001	Nữ	D15TL02	630
103	1115070103	Đỗ Hoàng Mai	06/10/2001	Nữ	D15TL02	710
104	1116030002	Phạm Thu Phương	13/11/2002	Nữ	D16BH01	415
105	1116030031	Tô Thị Bích	18/06/2002	Nữ	D16BH01	440
106	1116030058	Hà Thị Minh Châu	08/03/2002	Nữ	D16BH01	405
107	1116030017	Dương Văn Đạt	13/11/2002	Nam	D16BH01	515
108	1116030033	Trần Hoàng Bảo Châm	21/02/2002	Nữ	D16BH01	530
109	1116030043	Hoàng Phương Linh	03/02/2002	Nữ	D16BH01	435
110	1116090007	Phạm Thị Huyền Trang	12/12/2002	Nữ	D16CN01	460
111	1116090061	Nguyễn Tú Anh	19/11/2002	Nữ	D16CN01	430
112	1116090038	Đinh Thu Thảo	20/11/2002	Nữ	D16CN02	545
113	1116090044	Đỗ Thủy Trang	07/05/2002	Nữ	D16CN02	450
114	1116090020	Bùi Thanh Tùng	24/02/2001	Nam	D16CN01	705
115	1116090027	Vũ Khánh Linh	25/10/2002	Nữ	D16CN01	440
116	1116090004	Vũ Ngọc Anh	02/06/2002	Nam	D16CN02	475
117	1116090012	Nguyễn Thúy Thanh	01/11/2002	Nữ	D16CN02	435
118	1116090053	Nguyễn Thị Diệu	24/03/2002	Nữ	D16CN02	475

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
119	1116040010	Hồ Quỳnh Anh	10/06/2002	Nữ	D16CT01	495
120	1116040052	Phạm Thị Thùy Nhâm	09/09/2002	Nữ	D16CT01	425
121	1116040016	Nguyễn Thị Kim Trúc	18/08/2002	Nữ	D16CT01	565
122	1116040027	Đỗ Thị Hoài Thương	28/07/2002	Nữ	D16CT01	595
123	1116040023	Nguyễn Thị Minh Thu	19/08/2002	Nữ	D16CT02	580
124	1116040081	Ma Thị Yên	14/06/2002	Nữ	D16CT02	660
125	1116040083	Đỗ Tuyết Anh	06/11/2002	Nữ	D16CT02	680
126	1116060007	Đậu Nguyễn Phương Anh	16/08/2002	Nữ	D16KL01	930
127	1116060010	Trương Thu Hà	08/03/2002	Nữ	D16KL01	450
128	1116060015	Mai Yến Nhi	27/09/2002	Nữ	D16KL01	415
129	1116060021	Phạm Thanh Mai	02/01/2002	Nữ	D16KL01	850
130	1116060023	Nguyễn Việt Quân	16/01/2002	Nam	D16KL01	445
131	1116060037	Nguyễn Thanh Hải	17/02/2002	Nam	D16KL01	510
132	1116020061	Phạm Thị Lan Anh	22/12/2002	Nữ	D16KT01	585
133	1116020062	Hoàng Hà Ngân	22/07/2002	Nữ	D16KT01	670
134	1116020092	Đoàn Thị Thảo Phương	07/04/2000	Nữ	D16KT02	550
135	1116020129	Vũ Hà Nhi	10/02/2002	Nữ	D16KT02	510
136	1116020141	Lò Văn Tinh	11/09/2002	Nam	D16KT03	640
137	1116020145	Nguyễn Dương Cẩm Tú	13/12/2002	Nữ	D16KT03	400
138	1116020146	Nguyễn Lê Phương Anh	26/03/2002	Nữ	D16KT03	445
139	1116020215	Trương Thiết Cường	01/12/2002	Nam	D16KT04	450
140	1116020283	Nguyễn Thị Hải Yên	14/12/2002	Nữ	D16KT05	505
141	1116020284	Nguyễn Quỳnh Mai	10/11/2002	Nữ	D16KT05	415
142	1116020290	Nguyễn Thị Thanh Hằng	20/04/2002	Nữ	D16KT05	420
143	1116020311	Lưu Thị Dung	31/05/2001	Nữ	D16KT05	460
144	1116020329	Lê Ngọc Hiền	17/10/2002	Nữ	D16KT05	670
145	1116020356	Nguyễn Thúy Anh	06/07/2002	Nữ	D16KT06	435
146	1116020370	Trần Thị Như Huyền	16/09/2002	Nữ	D16KT06	450
147	1116020375	Nguyễn Thị Hoài Linh	26/01/2002	Nữ	D16KT06	400
148	1116020418	Phạm Thị Thảo	29/10/2002	Nữ	D16KT06	410
149	1116020491	Nguyễn Thu Thủy	27/08/2002	Nữ	D16KT08	470

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
150	1116020517	Vân Yến Cường	29/06/2002	Nam	D16KT08	420
151	1116020524	Vũ Thị Hoài Thu	16/10/2002	Nữ	D16KT08	405
152	1116020536	Vương Thu Trang	23/03/2002	Nữ	D16KT08	480
153	1116020541	Hoàng Thị Thoa	01/04/2002	Nữ	D16KT08	405
154	1116020548	Phan Thị Thu Hà	27/08/2002	Nữ	D16KT08	470
155	1116020648	Trần Thị Phương Thảo	25/06/2002	Nữ	D16KT10	475
156	1116020013	Đinh Tuấn Anh	17/09/2002	Nam	D16KT01	825
157	1116020014	Mai Việt Tùng	28/10/2000	Nam	D16KT01	415
158	1116020038	Trương Nam Anh	06/07/2002	Nữ	D16KT01	505
159	1116020056	Đinh Thị Thủy Nga	27/01/2002	Nữ	D16KT01	460
160	1116020047	Bùi Thị Khánh Huyền	10/11/2002	Nữ	D16KT01	430
161	1116020221	Trần Phương Anh	12/05/2002	Nữ	D16KT04	445
162	1116020300	Trần Thảo Ly	28/01/2002	Nữ	D16KT05	450
163	1116020301	Cao Thị Thu Thủy	01/02/2002	Nữ	D16KT05	475
164	1116020307	Trà Như Quỳnh	19/03/2002	Nữ	D16KT05	625
165	1116020309	Nguyễn Thị Thảo Vân	03/06/2002	Nữ	D16KT05	480
166	1116020312	Nguyễn Thị Ngọc Anh	27/09/2002	Nữ	D16KT05	595
167	1116020321	Nghiêm Thị Tố Nga	02/12/2002	Nữ	D16KT05	400
168	1116020338	Nguyễn Thị Kiều Trinh	10/12/2002	Nữ	D16KT05	460
169	1116020368	Bùi Thị Trang	06/08/2002	Nữ	D16KT06	405
170	1116020380	Lục Ngọc Hân	17/03/2002	Nữ	D16KT06	520
171	1116020396	Nguyễn Trúc Quỳnh	12/04/2002	Nữ	D16KT06	615
172	1116020399	Hoàng Thị Phương Thảo	06/02/2002	Nữ	D16KT06	510
173	1116020690	Bùi Phương Tú	05/06/2002	Nữ	D16KT06	480
174	1116020431	Lương Thị Vân Anh	17/06/2002	Nữ	D16KT07	605
175	1116020462	Đồng Huy Hoàng Anh	23/08/2002	Nam	D16KT07	455
176	1116020467	Nghiêm Ngọc Ánh	14/07/2002	Nữ	D16KT07	410
177	1116020500	Bùi Khánh Ly	19/06/2002	Nữ	D16KT08	485
178	1116020561	Phan Thị Thu Hằng	10/08/2002	Nữ	D16KT09	415
179	1116020585	Phạm Thùy Linh	12/12/2002	Nữ	D16KT09	415
180	1116020593	Ngô Thị Phương Nga	07/05/2002	Nữ	D16KT09	415

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
181	1116020600	Vũ Hồng Nhung	27/03/2002	Nữ	D16KT09	470
182	1116020603	Vũ Thị Chiêu	04/01/2002	Nữ	D16KT09	400
183	1116020624	Trần Thị Lan Anh	04/11/2002	Nữ	D16KT09	675
184	1116020642	Nguyễn Thị Hoài Dịu	21/10/2002	Nữ	D16KT10	510
185	1116020653	Phạm Thị Thanh Mai	06/12/2002	Nữ	D16KT10	460
186	1116020659	Triệu Thùy Dương	02/09/2002	Nữ	D16KT10	605
187	1116020661	Lê Thanh Bình	14/08/2002	Nữ	D16KT10	410
188	1116020680	Mai Thị Lý	20/05/2002	Nữ	D16KT10	435
189	1116080020	Nguyễn Trần Nam Khánh	26/08/2002	Nam	D16LK01	450
190	1116080034	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/02/2002	Nữ	D16LK01	690
191	1116080069	Trịnh Khánh Ly	08/03/2002	Nữ	D16LK01	480
192	1116080093	Nguyễn Thị Mai Phương	03/12/2002	Nữ	D16LK02	750
193	1116080124	Nguyễn Thị Quỳnh	03/09/2002	Nữ	D16LK02	715
194	1116080131	Nguyễn Thu Trang	08/10/2002	Nữ	D16LK02	420
195	1116080149	Đào Nhật Quang	19/08/2002	Nam	D16LK03	550
196	1116080197	Hoàng Minh Nghĩa	04/03/2002	Nam	D16LK04	415
197	1116080199	Đậu Trần Phương Thủy	09/07/2002	Nữ	D16LK04	800
198	1116080209	Phùng Hồng Duyên	19/12/2002	Nữ	D16LK04	465
199	1116080220	Lê Thị Hương	24/08/2002	Nữ	D16LK04	460
200	1116080229	Nguyễn Thị Thu Phương	25/08/2002	Nữ	D16LK04	480
201	1116080004	Ngô Văn Trà	26/03/2002	Nam	D16LK01	490
202	1116080019	Nguyễn Nam Anh	13/09/2002	Nam	D16LK01	535
203	1116080023	Trương Tiến Duy	01/09/2002	Nam	D16LK01	755
204	1116080028	Ngô Ngọc Anh	28/10/2002	Nữ	D16LK01	435
205	1116080044	Nguyễn Đức Long	26/03/2002	Nam	D16LK01	465
206	1116080058	Bùi Ngọc Hải	30/03/2002	Nam	D16LK01	415
207	1116080071	Lê Xuân Hải	17/07/2002	Nam	D16LK02	435
208	1116080075	Nguyễn Trung Hiếu	10/01/2002	Nam	D16LK02	655
209	1116080084	Ngô Bảo Ngân	28/08/2002	Nữ	D16LK02	540
210	1116080104	Đoàn Thị Phương Thảo	08/09/2002	Nữ	D16LK02	895
211	1116080121	Nguyễn Đức Mạnh	18/08/2002	Nam	D16LK02	525

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
212	1116080237	Tương Linh Nhi	21/05/2002	Nữ	D16LK03	430
213	1116080252	Lê Thị Chinh	06/06/2002	Nữ	D16LK03	505
214	1116080260	Mai Thị Luyện	02/11/2002	Nữ	D16LK03	545
215	1116080180	Nguyễn Thị Kim Trúc	19/10/2002	Nữ	D16LK04	405
216	1116080200	Nguyễn Minh Đức	28/11/2002	Nam	D16LK04	515
217	1116080208	Đỗ Kiều Trang	20/12/2002	Nữ	D16LK04	465
218	1116080213	Nguyễn Phương Nam	03/01/2002	Nam	D16LK04	400
219	1116080216	Lăng Thị Thanh Nhân	14/03/2002	Nữ	D16LK04	515
220	1116050020	Nguyễn Ngô Kiều Nhung	08/09/2001	Nữ	D16QK01	520
221	1116050178	Hoàng Phương Nam	15/06/2002	Nam	D16QK03	450
222	1116050181	Nguyễn Thị Thu Ngân	20/02/2002	Nữ	D16QK03	505
223	1116050196	Lê Tuấn Huy	29/10/2002	Nam	D16QK03	580
224	1116050274	Lê Hương Trà	30/10/2002	Nữ	D16QK04	495
225	1116050339	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/09/2002	Nữ	D16QK05	495
226	1116050346	Vũ Thị Thanh Phương	23/11/2002	Nữ	D16QK05	490
227	1116050366	Nguyễn Thị Huyền	22/12/2002	Nữ	D16QK06	510
228	1116050410	Nguyễn Tuấn Anh	23/05/2002	Nam	D16QK06	625
229	1116050418	Tổng Đức Tú	12/10/2002	Nam	D16QK06	815
230	1116050427	Phạm Văn Quý	11/06/2002	Nam	D16QK07	490
231	1116050428	Tô Thị Thu Huyền	20/12/2002	Nữ	D16QK07	495
232	1116050443	Vũ Diễm Quỳnh	19/07/2002	Nữ	D16QK07	465
233	1116050479	Hoàng Kim Sơn Lâm	28/09/2002	Nam	D16QK07	580
234	1116050497	Vũ Thu Trang	15/12/2002	Nữ	D16QK08	515
235	1116050501	Nguyễn Huyền Trang	18/12/2002	Nữ	D16QK08	530
236	1116050507	Đào Thị Lan Anh	16/05/2002	Nữ	D16QK08	555
237	1116050046	Nghiêm Xuân Hiến	10/02/2000	Nam	D16QK01	565
238	1116050079	Phan Bá Duy	30/06/2002	Nam	D16QK02	455
239	1116050102	Trần Vũ Tiến Dũng	23/01/2002	Nam	D16QK02	620
240	1116050110	Vũ Thị Như Quỳnh	14/11/2002	Nữ	D16QK02	475
241	1116050127	Hà Việt Hoàng	27/08/2002	Nam	D16QK02	555
242	1116050138	Phan Thị Thảo My	03/11/2002	Nữ	D16QK02	545

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
243	1116050174	Trịnh Thủy Linh	24/04/2002	Nữ	D16QK03	515
244	1116050179	Phạm Thị Châu Anh	11/09/2002	Nữ	D16QK03	485
245	1116050290	Nguyễn Như Ngọc	24/08/2002	Nữ	D16QK03	525
246	1116050328	Lương Thị Thu An	24/06/2002	Nữ	D16QK05	460
247	1116050374	Tổng Thành Tú	04/07/2002	Nam	D16QK06	545
248	1116050457	Lê Thu Hà	10/03/2000	Nữ	D16QK07	460
249	1116050484	Đỗ Thị Hương Trà	02/09/2002	Nữ	D16QK07	505
250	1116050525	Bùi Xuân Anh	22/02/2002	Nam	D16QK08	690
251	1116050239	Nguyễn Thế Vinh	14/10/2002	Nam	D16QK09	570
252	1116050571	Đỗ Thùy Dương	28/02/2002	Nữ	D16QK09	515
253	1116050585	Trần Thị Huyền Trang	24/08/2002	Nữ	D16QK09	465
254	1116010025	Nguyễn Thị Phương Loan	03/01/2002	Nữ	D16QL01	455
255	1116010046	Vũ Việt Hùng	22/02/2002	Nam	D16QL01	490
256	1116010107	Tổng Thị Minh Ngọc	24/10/2002	Nữ	D16QL02	400
257	1116010110	Trịnh Thị Phương Thanh	04/12/2001	Nữ	D16QL02	765
258	1116010164	Nguyễn Thị Vân Anh	14/08/2002	Nữ	D16QL03	420
259	1116010172	Nguyễn Viết Thịnh	11/12/2002	Nam	D16QL03	435
260	1116010203	Đồng Thị Mỹ Duyên	10/10/2002	Nữ	D16QL03	430
261	1116010362	Nguyễn Thị Ánh	26/04/2002	Nữ	D16QL04	420
262	1116010299	Ma Xuân Công	06/10/2002	Nam	D16QL05	580
263	1116010302	Nguyễn Quỳnh Anh	18/06/2002	Nữ	D16QL05	600
264	1116010321	Trịnh Thị Sim	16/04/2002	Nữ	D16QL05	400
265	1116010330	Trần Hoài Linh	01/10/2002	Nữ	D16QL05	425
266	1116010347	Nguyễn Hồng Nhung	13/07/2002	Nữ	D16QL05	420
267	1116010304	Nguyễn Ngọc Khánh	16/07/2002	Nam	D16QL05	435
268	1116010422	Lê Thị Thu	10/10/2002	Nữ	D16QL07	410
269	1116010444	Nguyễn Hồng Yến	10/05/2002	Nữ	D16QL07	475
270	1116010470	Lưu Thị Ngọc Mỹ	21/05/2002	Nữ	D16QL07	400
271	1116010424	Nguyễn Ngọc Tú	31/10/2002	Nam	D16QL07	680
272	1116010535	Đoàn Thành Công	04/01/2002	Nam	D16QL08	425
273	1116010596	Nguyễn Thị Hồng Minh	20/03/2002	Nữ	D16QL09	425

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
274	1116010597	Nguyễn Thị Bình Dương	18/02/2002	Nữ	D16QL09	450
275	1116010602	Nguyễn Thị Thu Hằng	04/11/2002	Nữ	D16QL09	495
276	1116010643	Phạm Thị Thúy	23/10/2002	Nữ	D16QL10	405
277	1116010705	Nguyễn Hồng Thu	04/08/2002	Nữ	D16QL11	420
278	1116010706	Kim Thu Thảo	09/04/2002	Nữ	D16QL11	510
279	1116010709	Đinh Thị Ngọc Diệp	26/07/2002	Nữ	D16QL11	525
280	1116010730	Phạm Ngọc Hà	05/08/2002	Nữ	D16QL11	520
281	1116010735	Phạm Thanh Vân	13/11/2002	Nữ	D16QL11	470
282	1116010787	Trịnh Thị Hải	13/11/2002	Nữ	D16QL12	410
283	1116010833	Đỗ Anh Thư	19/01/2002	Nữ	D16QL12	405
284	1116010452	Lê Hải Yến	28/10/2002	Nữ	D16QL13	455
285	1116010852	Trần Văn Hòa	28/04/2002	Nam	D16QL13	470
286	1116010870	Nguyễn Quỳnh Nga	10/02/2002	Nữ	D16QL13	440
287	1116010878	Lê Thị Thanh Hương	25/12/2002	Nữ	D16QL13	400
288	1116010044	Trần Thị Kiều Nga	17/11/2002	Nữ	D16QL01	405
289	1116010060	Đặng Minh Anh	29/10/2002	Nữ	D16QL01	575
290	1116010080	Đông Phương Thảo	23/11/2002	Nữ	D16QL02	460
291	1116010081	Bùi Thị Thu Yến	10/06/2001	Nữ	D16QL02	415
292	1116010227	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	22/08/2002	Nữ	D16QL04	455
293	1116010260	Nguyễn Thị Anh Thơ	26/08/2002	Nữ	D16QL04	425
294	1116010264	Trần Minh Hải	07/04/2002	Nam	D16QL04	595
295	1116010265	Vũ Thị Hằng	04/08/2002	Nữ	D16QL04	540
296	1116010279	Trần Thị Thu Huyền	19/11/2002	Nữ	D16QL05	400
297	1116010307	Lê Quang Huy	26/03/2002	Nam	D16QL05	650
298	1116010337	Hoàng Thị Cẩm Ly	13/03/2002	Nữ	D16QL05	405
299	1116010374	Vũ Thị Diễm Quỳnh	21/01/2002	Nữ	D16QL06	475
300	1116010377	Đào Việt Đức	18/10/2002	Nam	D16QL06	515
301	1116010381	Trần Thị Hương Ly	18/07/2002	Nữ	D16QL06	415
302	1116010403	Đàm Lê Khánh Hà	07/05/2002	Nữ	D16QL06	425
303	1116010404	Trần Thị Huế	29/07/2002	Nữ	D16QL06	565
304	1116010413	Nguyễn Quỳnh Chi	06/10/2002	Nữ	D16QL06	665

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
305	1116010373	Hoàng Phương Anh	06/11/2002	Nữ	D16QL06	730
306	1116010423	Phan Thị Thanh Thảo	31/03/2002	Nữ	D16QL07	500
307	1116010436	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/04/2002	Nữ	D16QL07	460
308	1116010439	Triệu Thủy Phương	16/11/2002	Nữ	D16QL07	470
309	1116010467	Nguyễn Anh Thư	05/06/2002	Nữ	D16QL07	520
310	1116010477	Trịnh Thị Huyền	22/02/2002	Nữ	D16QL07	405
311	1116010479	Nguyễn Bích Thảo	24/10/2002	Nữ	D16QL07	530
312	1116010485	Nguyễn Khánh Linh	29/11/2002	Nữ	D16QL07	520
313	1116010495	Nguyễn Thị Mai Linh	05/09/2002	Nữ	D16QL08	425
314	1116010502	Đào Thị Quỳnh	30/11/2002	Nữ	D16QL08	495
315	1116010512	Nguyễn Thị Duyên	11/09/2002	Nữ	D16QL08	450
316	1116010542	Nguyễn Thu Duyên	09/01/2002	Nữ	D16QL08	420
317	1116010595	Nguyễn Thị Thanh Tâm	21/03/2002	Nữ	D16QL09	440
318	1116010613	Nguyễn Thị Ánh	04/11/2002	Nữ	D16QL09	490
319	1116010640	Lê Thị Hồng Vân	25/09/2002	Nữ	D16QL10	520
320	1116010661	Nguyễn Thị Ngọc	14/05/2002	Nữ	D16QL10	530
321	1116010694	Nguyễn Phương Nhi	31/05/2002	Nữ	D16QL10	650
322	1116010695	Hồ Văn Lưu	04/02/2002	Nam	D16QL10	695
323	1116010750	Đào Thị Hiền	27/08/2002	Nữ	D16QL11	410
324	1116010783	Nguyễn Trung Hiếu	19/03/2002	Nam	D16QL12	690
325	1116010804	Nguyễn Nguyệt Hà	29/09/2002	Nữ	D16QL12	630
326	1116010858	Trương Phúc Nghĩa	28/09/2002	Nam	D16QL13	515
327	1116010860	Nguyễn Hải Nam	11/09/2001	Nam	D16QL13	620
328	1116100001	Nguyễn Thị Thảo My	02/11/2002	Nữ	D16TC01	530
329	1116100039	Nguyễn Quỳnh Anh	07/01/2002	Nữ	D16TC01	615
330	1116100042	Trần Thị Thu Huyền	09/12/2002	Nữ	D16TC01	485
331	1116100098	Phạm Minh Ngọc	08/02/2002	Nữ	D16TC02	505
332	1116100105	Hoàng Thị Thủy Dung	18/09/2002	Nữ	D16TC02	515
333	1116100146	Nguyễn Thị Thu Nga	05/05/2002	Nữ	D16TC03	475
334	1116100172	Ngô Thị Minh Lý	06/05/2002	Nữ	D16TC03	605
335	1116100179	Nguyễn Thị Vân	20/06/2002	Nữ	D16TC03	460

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
336	1116100183	Nguyễn Thị Nhung	08/01/2002	Nữ	D16TC03	675
337	1116100016	Vũ Thị Khánh Huyền	16/10/2002	Nữ	D16TC01	400
338	1116100051	Nguyễn Văn Anh	01/12/2002	Nữ	D16TC01	410
339	1116100069	Nguyễn Thị Tâm	03/12/2002	Nữ	D16TC01	465
340	1116100145	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	08/05/2002	Nữ	D16TC03	520
341	1116100156	Đỗ Thị Thu Phương	17/11/2001	Nữ	D16TC03	620
342	1116100174	Nguyễn Hương Giang	10/02/2002	Nữ	D16TC03	540
343	1116070020	Phạm Ngọc Bảo Trâm	19/12/2002	Nữ	D16TL01	665
344	1116070025	Đinh Việt Hoàng	26/12/2002	Nam	D16TL01	470
345	1116070037	Đặng Thành Đạt	15/09/2002	Nam	D16TL01	410
346	1116070049	Phan Thị Bích	05/12/2002	Nữ	D16TL01	440
347	1116070012	Nguyễn Trường Giang	12/08/2002	Nam	D16TL02	565
348	1116070038	Nguyễn Tuấn Anh	28/04/2002	Nam	D16TL02	480
349	1116070086	Nguyễn Thủy Dương	29/04/2002	Nữ	D16TL02	430
350	1116070091	Nguyễn Bùi Đình Quang	24/02/2002	Nam	D16TL02	495
351	1116070004	Nguyễn Thị Hải Yến	17/02/2002	Nữ	D16TL01	445
352	1116070016	Lại Thị Hương Ly	23/12/2002	Nữ	D16TL01	520
353	1116070028	Nguyễn Thanh Chúc	01/08/2002	Nữ	D16TL01	490
354	1116070030	Huỳnh Thị Ngọc Anh	25/02/2002	Nữ	D16TL01	460
355	1116070071	Lê Phúc Thắng	18/10/2002	Nam	D16TL02	570
356	1117030167	Lê Thái Đạt	24/10/2003	Nam	D17BH01	440
357	1117030162	Nguyễn Tiến Dũng	05/08/2003	Nam	D17BH01	400
358	1117091664	Đặng Thị Kim Cúc	03/01/2003	Nữ	D17CN02	440
359	1117091685	Vũ Huy Hoàng	26/02/2003	Nam	D17CN02	430
360	1117112090	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	03/07/2003	Nữ	D17HQ01	425
361	1117112615	Lê Trung Kiên	23/03/2001	Nam	D17HQ01	505
362	1117112616	Lý Phương Linh	26/12/2003	Nữ	D17HQ01	690
363	1117112617	Nguyễn Kim Minh	02/11/2003	Nam	D17HQ01	460
364	1117061864	Mai Hoài Linh	03/06/2003	Nữ	D17KL02	465
365	1117060467	Nguyễn Thu Phương	29/05/2003	Nữ	D17KL01	485
366	1117062247	Kiều Thị Doanh	23/12/2003	Nữ	D17KL03	400

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
367	1117121825	Nguyễn Anh Tuấn	09/12/2003	Nam	D17KM01	535
368	1117121831	Đỗ Minh Quân	03/08/2003	Nam	D17KM01	415
369	1117020218	Đỗ Lan Anh	06/12/2003	Nữ	D17KT01	410
370	1117020952	Vũ Hương Giang	07/08/2003	Nữ	D17KT02	475
371	1117020953	Trịnh Hương Giang	02/10/2003	Nữ	D17KT02	455
372	1117020954	Trần Thị Hà Giang	13/10/2003	Nữ	D17KT02	425
373	1117020269	Lê Thu Hà	02/08/2003	Nữ	D17KT02	520
374	1117020959	Phạm Thị Minh Huyền	10/06/2003	Nữ	D17KT02	445
375	1117020964	Nguyễn Thị Huyền	05/03/2003	Nữ	D17KT02	440
376	1117021014	Nguyễn Thị Mỹ Dung	25/09/2003	Nữ	D17KT03	450
377	1117021006	Nguyễn Thuý Dương	01/09/2002	Nữ	D17KT03	555
378	1117021032	Lê Thị Thu Phương	13/08/2003	Nữ	D17KT03	485
379	1117021036	Đỗ Thị Minh Tâm	22/04/2003	Nữ	D17KT03	440
380	1117021081	Đoàn Thị Hoài Thương	11/10/2003	Nữ	D17KT04	480
381	1117021086	Lê Hà Trang	29/11/2003	Nữ	D17KT04	445
382	1117021072	Nguyễn Xuân Trường	10/07/2003	Nam	D17KT04	555
383	1117021993	Vũ Mai Chi	15/10/2003	Nữ	D17KT05	480
384	1117022006	Đinh Khánh Huyền	29/08/2003	Nữ	D17KT05	480
385	1117022007	Vũ Thanh Huyền	22/09/2003	Nữ	D17KT05	565
386	1117021155	Trần Thị Mừng	19/10/2003	Nữ	D17KT05	410
387	1117021151	Nguyễn Thị Thanh Nga	27/12/2003	Nữ	D17KT05	415
388	1117021127	Trần Thị Hạnh Ngân	29/05/2003	Nữ	D17KT05	455
389	1117022437	Nguyễn Kỳ Duyên	27/11/2003	Nữ	D17KT06	585
390	1117022454	Trần Thị Hương	07/12/2003	Nữ	D17KT06	450
391	1117022456	Nguyễn Thị Xuân Hường	22/06/2003	Nữ	D17KT06	520
392	1117022460	Nguyễn Thị Yến Linh	02/01/2003	Nữ	D17KT06	560
393	1117022202	Đặng Gia Việt	11/02/2003	Nam	D17KT06	750
394	1117022825	Nguyễn Quỳnh Anh	12/10/2003	Nữ	D17KT07	440
395	1117022827	Bùi Thị Ngọc Ánh	18/10/2003	Nữ	D17KT07	545
396	1117022835	Lê Hồng Hạnh	09/10/2003	Nữ	D17KT07	430
397	1117022841	Chu Mỹ Linh	05/10/2003	Nữ	D17KT07	450

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
398	1117022849	Nguyễn Quỳnh Nga	14/11/2003	Nữ	D17KT07	455
399	1117022470	Vũ Nguyễn Phương Ngân	10/11/2003	Nữ	D17KT07	485
400	1117022990	Ngô Hương Giang	21/02/2003	Nữ	D17KT08	545
401	1117022993	Nguyễn Thúy Hoa	19/02/2003	Nữ	D17KT08	550
402	1117023346	Hoàng Thị Thanh Lam	24/10/2003	Nữ	D17KT08	550
403	1117023153	Nguyễn Thu Trang	29/06/2003	Nữ	D17KT08	495
404	1117020211	Nguyễn Thị Hà Phương	09/08/2003	Nữ	D17KT01	445
405	1117020955	Bùi Thúy Hiền	04/09/2003	Nữ	D17KT02	620
406	1117020250	Nguyễn Phương Thảo	28/03/2003	Nữ	D17KT02	530
407	1117020989	Lê Thị Phương Anh	04/09/2003	Nữ	D17KT03	410
408	1117021001	Lê Nguyễn Ngân Anh	30/08/2003	Nữ	D17KT03	405
409	1117020977	Vũ Thúy Hiền	01/12/2003	Nữ	D17KT03	585
410	1117021109	Đỗ Thị Thu Hương	01/04/2003	Nữ	D17KT04	505
411	1117021114	Nguyễn Thùy Linh	14/12/2003	Nữ	D17KT04	455
412	1117021098	Kiều Cẩm Ly	15/04/2003	Nữ	D17KT04	530
413	1117021101	Nguyễn Thị Ly	07/09/2003	Nữ	D17KT04	465
414	1117021056	Trịnh Thị Hồng Nhung	05/10/2003	Nữ	D17KT04	410
415	1117021089	Nguyễn Thị Phương Thư	08/10/2003	Nữ	D17KT04	615
416	1117021059	Phạm Thùy Trang	03/12/2003	Nữ	D17KT04	705
417	1117021068	Trần Thị Xuân	27/12/2003	Nữ	D17KT04	490
418	1117022000	Thạch Thị Hồng Hạnh	17/11/2003	Nữ	D17KT05	740
419	1117021125	Lê Thảo Ngân	25/12/2003	Nữ	D17KT05	580
420	1117022471	Bùi Thị Bích Ngọc	06/03/2003	Nữ	D17KT07	595
421	1117022490	Trương Hải Yến	27/09/2003	Nữ	D17KT07	430
422	1117080385	Lộ Thị Tuyết Mai	30/04/2003	Nữ	D17LK01	450
423	1117081464	Nguyễn Đức Minh	21/08/2003	Nam	D17LK01	450
424	1117081490	Nguyễn Thảo Vi	27/09/2003	Nữ	D17LK01	620
425	1117081484	Trần Ngọc Lâm	10/10/2003	Nam	D17LK01	655
426	1117081491	Trần Thị Thanh Vân	17/11/2003	Nữ	D17LK01	590
427	1117081525	Hoàng Trung Đức	23/09/2003	Nam	D17LK02	425
428	1117081545	Nguyễn Thanh Huyền	16/02/2003	Nữ	D17LK02	475

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
429	1117082621	Phạm Ngọc Anh	22/10/2003	Nữ	D17LK03	445
430	1117082923	Nguyễn Thanh Đạt	29/11/2003	Nam	D17LK03	885
431	1117083390	Đặng Khánh Hà	22/02/2003	Nữ	D17LK03	565
432	1117082725	Phùng Thị Thu Hiền	03/09/2003	Nữ	D17LK03	760
433	1117082932	Vũ Thị Bích Thùy	10/11/2003	Nữ	D17LK03	650
434	1117052345	Nguyễn Tuyết Ngân	06/04/2003	Nữ	D17QK08	555
435	1117050629	Ninh Ngọc Trường Sơn	06/04/2003	Nam	D17QK02	460
436	1117050709	Thiều Thị Phương Thảo	01/09/2003	Nữ	D17QK03	635
437	1117050711	Phạm Phương Thảo	04/09/2003	Nữ	D17QK03	500
438	1117050703	Trần Minh Thư	10/09/2003	Nữ	D17QK03	585
439	1117050752	Phạm Xuân Danh	04/08/2003	Nam	D17QK04	545
440	1117050765	Phạm Tiến Đạt	03/11/2003	Nam	D17QK04	650
441	1117050764	Đỗ Ngọc Điền	22/06/2003	Nam	D17QK04	480
442	1117050750	Hà Thị Hoàng Diệu	21/12/2002	Nữ	D17QK04	550
443	1117050745	Phạm Thùy Dung	10/02/2003	Nữ	D17QK04	490
444	1117050746	Nguyễn Thùy Dung	21/10/2003	Nữ	D17QK04	475
445	1117050751	Dương Công Duy	16/10/2003	Nam	D17QK04	480
446	1117050732	Lê Thị Thuần	26/06/2003	Nữ	D17QK04	510
447	1117050728	Nguyễn Thị Thùy	25/01/2003	Nữ	D17QK04	505
448	1117050806	Nguyễn Quỳnh Anh	15/04/2003	Nữ	D17QK05	460
449	1117050800	Thần Quốc Bảo	17/09/2003	Nam	D17QK05	560
450	1117050847	Nghiêm Thị Liên	21/08/2003	Nữ	D17QK05	555
451	1117050877	Trần Thị Hồng	16/02/2003	Nữ	D17QK06	565
452	1117051923	Vũ Tâm Nhi	08/08/2003	Nữ	D17QK07	500
453	1117052169	Đinh Thị Thắm	11/04/2002	Nữ	D17QK07	505
454	1117051946	Lã Hà Vy	25/07/2003	Nữ	D17QK07	550
455	1117052686	Trần Ngọc An	14/10/2003	Nam	D17QK08	555
456	1117052321	Ninh Ngọc Thủy Hiền	23/08/2003	Nữ	D17QK08	490
457	1117052333	Nguyễn Mai Linh	19/08/2003	Nữ	D17QK08	690
458	1117052765	Nguyễn Hải Đăng	22/08/2003	Nam	D17QK09	570
459	1117053073	Nguyễn Thị Hà Giang	02/05/2003	Nữ	D17QK09	495

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
460	1117053301	Ngô Hương Giang	07/10/2003	Nữ	D17QK10	455
461	1117010313	Nguyễn Thị Hiền	17/08/2003	Nữ	D17QL01	405
462	1117010295	Hoàng Thị Giáng Hương	24/12/2003	Nữ	D17QL01	400
463	1117010292	Cao Thùy Linh	13/03/2001	Nữ	D17QL01	530
464	1117010296	Hoàng Hải Linh	30/10/2003	Nữ	D17QL01	425
465	1117010302	Lê Đức Minh	08/11/2003	Nam	D17QL01	405
466	1117010273	Nguyễn Thị Trà My	24/02/2003	Nữ	D17QL01	410
467	1117010277	Lê Thị Trang	27/04/2003	Nữ	D17QL01	500
468	1117010354	Nguyễn Thị Huyền	26/09/2003	Nữ	D17QL02	430
469	1117011171	Dương Thị Ngọc	30/03/2003	Nữ	D17QL02	435
470	1117010358	Lê Thị Phương Quyên	09/07/2003	Nữ	D17QL02	405
471	1117010349	Nguyễn Thị Trúc	09/01/2003	Nữ	D17QL02	500
472	1117011206	Vũ Thị Linh	17/10/2003	Nữ	D17QL03	430
473	1117011204	Mâu Hoàng Long	19/04/2003	Nam	D17QL03	625
474	1117011197	Nguyễn Ban Mai	06/10/2003	Nữ	D17QL03	720
475	1117011198	Lại Phương Mai	21/09/2003	Nữ	D17QL03	420
476	1117011227	Hồ Thị Ngọc Minh	05/05/2003	Nữ	D17QL03	445
477	1117011189	Trần Yến Nhi	02/08/2003	Nữ	D17QL03	620
478	1117011249	Nguyễn Phương Trinh	29/07/2003	Nữ	D17QL03	415
479	1117011281	Nguyễn Thị Quý	02/09/2003	Nữ	D17QL04	445
480	1117011275	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/12/2003	Nữ	D17QL04	475
481	1117011352	Lê Thị Hồng Anh	26/09/2003	Nữ	D17QL05	520
482	1117011367	Phạm Ngọc Ánh	04/07/2003	Nữ	D17QL05	495
483	1117011368	Nguyễn Thị Hồng Ánh	06/10/2003	Nữ	D17QL05	400
484	1117011341	Đàm Gia Đạt	19/06/2003	Nam	D17QL05	530
485	1117011343	Hoàng Thị Thùy Dương	21/10/2003	Nữ	D17QL05	610
486	1117011339	Lê Hương Giang	12/10/2003	Nữ	D17QL05	470
487	1117011328	Phạm Thị Thu Hà	08/05/2003	Nữ	D17QL05	640
488	1117011331	Nguyễn Thị Ngọc Hà	08/07/2003	Nữ	D17QL05	430
489	1117011332	Nguyễn Linh Hà	22/06/2003	Nữ	D17QL05	510
490	1117011388	Nguyễn Thị Lan	13/02/2003	Nữ	D17QL05	630

9h

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
491	1117011384	Tạ Hương Liên	15/12/2002	Nữ	D17QL05	480
492	1117011361	Nguyễn Thùy Linh	11/02/2003	Nữ	D17QL05	490
493	1117012503	Dương Hải Anh	24/02/2003	Nữ	D17QL07	475
494	1117012049	Phùng Thị Thu Giang	02/10/2003	Nữ	D17QL07	600
495	1117012218	Nguyễn Thị Hương	20/10/2003	Nữ	D17QL07	490
496	1117012055	Nguyễn Thu Huyền	05/10/2003	Nữ	D17QL07	465
497	1117012216	Nguyễn Thu Huyền	09/10/2003	Nữ	D17QL07	550
498	1117012217	Phạm Thị Ngọc Huyền	25/12/2003	Nữ	D17QL07	435
499	1117012061	Trần Thị Liên	07/05/2002	Nữ	D17QL07	485
500	1117012063	Mai Thùy Linh	03/10/2003	Nữ	D17QL07	405
501	1117012074	Vũ Thị Thúy Nguyên	05/06/2003	Nữ	D17QL07	430
502	1117012080	Hoàng Thị Tố Quyên	19/11/2003	Nữ	D17QL07	515
503	1117012506	Nguyễn Huy Anh	30/05/2003	Nam	D17QL08	705
504	1117012507	Nguyễn Phương Anh	15/12/2003	Nữ	D17QL08	815
505	1117012528	Trương Thị Thanh Hoài	19/12/2003	Nữ	D17QL08	540
506	1117012553	Nguyễn Thị Hương Ly	24/10/2003	Nữ	D17QL08	460
507	1117012555	Nguyễn Thúy Nga	06/09/2003	Nữ	D17QL08	485
508	1117012561	Trần Thị Phương Nguyên	09/07/2003	Nữ	D17QL08	520
509	1117012868	Nguyễn Thị Hải Anh	15/09/2003	Nữ	D17QL09	715
510	1117012705	Nguyễn Thị Dương	06/09/2003	Nữ	D17QL09	430
511	1117012708	Mai Thị Hiền	11/12/2003	Nữ	D17QL09	450
512	1117012716	Lê Thị Oanh	30/03/2003	Nữ	D17QL09	430
513	1117012576	Nguyễn Thu Phương	06/01/2003	Nữ	D17QL09	410
514	1117012597	Trần Thị Diệu Thúy	27/01/2003	Nữ	D17QL09	470
515	1117012611	Nguyễn Thị Hải Yến	16/07/2003	Nữ	D17QL09	460
516	1117012613	Nguyễn Thị Yến	26/06/2003	Nữ	D17QL09	585
517	1117013385	Nguyễn Thị Xuân Trà	12/02/2003	Nữ	D17QL11	440
518	1117010284	Nguyễn Thị Hiền	25/10/2003	Nữ	D17QL01	610
519	1117010283	Dương Ngọc Huyền	16/01/2003	Nữ	D17QL01	425
520	1117010340	Lê Thị Vân Thư	26/12/2002	Nữ	D17QL01	520
521	1117010375	Phạm Kiều Anh	13/12/2003	Nữ	D17QL02	445

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
522	1117010378	Nguyễn Thị An Bình	15/01/2003	Nữ	D17QL02	830
523	1117010368	Nguyễn Phương Linh	16/03/2001	Nữ	D17QL02	440
524	1117011161	Nguyễn Thị Ngọc	18/10/2003	Nữ	D17QL02	445
525	1117011166	Hồ Minh Ngọc	04/08/2003	Nữ	D17QL02	540
526	1117011170	Đào Thị Ngọc	08/03/2003	Nữ	D17QL02	610
527	1117011172	Lê Thị Hồng Ngọc	28/12/2003	Nữ	D17QL02	710
528	1117011156	Trương Thảo Nguyên	07/05/2003	Nữ	D17QL02	595
529	1117011208	Trần Thị Khánh Linh	09/02/2003	Nữ	D17QL03	735
530	1117011221	Vũ Xuân Mai	02/07/2003	Nữ	D17QL03	575
531	1117011215	Trần Thị Thanh Nga	21/02/2002	Nữ	D17QL03	525
532	1117011217	Huỳnh Nguyệt Nga	16/09/2003	Nữ	D17QL03	540
533	1117011251	Đinh Thị Bích Ngọc	21/03/2003	Nữ	D17QL03	640
534	1117011248	Nguyễn Thu Phương	18/11/2003	Nữ	D17QL03	405
535	1117011243	Trần Hà Trang	15/09/2003	Nữ	D17QL03	465
536	1117011253	Nguyễn Hải Yến	12/10/2003	Nữ	D17QL03	470
537	1117011314	Nguyễn Hồng Chung	03/07/2003	Nữ	D17QL04	485
538	1117011313	Lê Doãn Cường	07/11/2003	Nam	D17QL04	670
539	1117011286	Nguyễn Thị Kim Phượng	07/12/2003	Nữ	D17QL04	470
540	1117011280	Phạm Thị Cao Quý	23/09/2003	Nữ	D17QL04	455
541	1117011267	Lê Vũ Minh Uyên	21/07/2003	Nữ	D17QL04	405
542	1117011264	Nguyễn Thị Quỳnh Vân	12/04/2003	Nữ	D17QL04	690
543	1117011370	Nguyễn Minh Ánh	06/11/2003	Nữ	D17QL05	755
544	1117011371	Lê Thị Ngọc Ánh	15/08/2003	Nữ	D17QL05	400
545	1117011382	Khuất Thị Ngọc Ánh	15/11/2003	Nữ	D17QL05	530
546	1117011374	Trần Thị Thanh Chúc	18/10/2003	Nữ	D17QL05	595
547	1117011335	Nguyễn Thị Hương Giang	21/05/2003	Nữ	D17QL05	520
548	1117011396	Nguyễn Thị Thu Hương	02/08/2003	Nữ	D17QL05	645
549	1117011392	Hoàng Thị Hường	18/01/2003	Nữ	D17QL05	500
550	1117011391	Nguyễn Thị Huyền	18/06/2003	Nữ	D17QL05	430
551	1117011435	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	02/01/2003	Nữ	D17QL06	565
552	1117011408	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/11/2003	Nữ	D17QL06	555

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
553	1117012056	Nguyễn Thị Mai Hương	28/10/2003	Nữ	D17QL07	400
554	1117012058	Đỗ Hồng Khiêm	08/09/2003	Nam	D17QL07	400
555	1117012059	Nguyễn Thị Kim Liên	22/06/2003	Nữ	D17QL07	510
556	1117012060	Phùng Thị Liên	25/04/2003	Nữ	D17QL07	675
557	1117012065	Trần Thị Diệu Linh	16/12/2003	Nữ	D17QL07	430
558	1117012072	Ngô Minh Ngọc	01/06/2003	Nữ	D17QL07	505
559	1117012073	Nguyễn Bích Ngọc	04/11/2003	Nữ	D17QL07	420
560	1117012221	Phạm Thảo Nguyên	12/10/2003	Nữ	D17QL07	500
561	1117012225	Trần Thị Thơm	22/04/2003	Nữ	D17QL07	530
562	1117012517	Đoàn Hà Diệp	16/01/2003	Nữ	D17QL08	500
563	1117012521	Nguyễn Thị Hào	09/05/2003	Nữ	D17QL08	400
564	1117012535	Đinh Thị Hương	29/04/2003	Nữ	D17QL08	410
565	1117012551	Đỗ Thị Loan	27/12/2003	Nữ	D17QL08	475
566	1117012552	Lê Thị Phương Ly	04/12/2003	Nữ	D17QL08	630
567	1117012554	Phạm Thị Nhị Mai	23/12/2003	Nữ	D17QL08	425
568	1117012721	Đặng Khánh Trang	27/02/2003	Nữ	D17QL09	475
569	1117012610	Nguyễn Thanh Tú	21/11/2003	Nữ	D17QL09	655
570	1117013164	Bùi Thị Châm	24/04/2003	Nữ	D17QL10	590
571	1117012879	Trần Thị Thanh Hoa	25/07/2003	Nữ	D17QL10	485
572	1117013172	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	02/06/2003	Nữ	D17QL10	490
573	1117012885	Phạm Thu Huyền	18/03/2003	Nữ	D17QL10	445
574	1117012909	Phạm Ngọc Thủy	18/01/2003	Nữ	D17QL10	690
575	1117020225	Dương Quỳnh Anh	23/11/2003	Nữ	D17QL11	495
576	1117022998	Nguyễn Như Phương	01/08/2003	Nữ	D17QL11	465
577	1117050789	Nguyễn Thị Diệp Anh	23/09/2003	Nữ	D17QL11	635
578	1117013174	Nguyễn Thị Hồng	02/12/2003	Nữ	D17QL11	430
579	1117013370	Hoàng Thị Hương	28/08/2003	Nữ	D17QL11	460
580	1117013189	Nguyễn Thị May	13/10/2003	Nữ	D17QL11	430
581	1117100135	Đinh Nam Anh	20/08/2003	Nam	D17TC01	410
582	1117101740	Ngô Quốc Việt	18/05/2003	Nam	D17TC01	455
583	1117102177	Đinh Phương Anh	07/08/2003	Nữ	D17TC03	445

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
584	1117101950	Nguyễn Thị Huyền Chang	17/03/2003	Nữ	D17TC03	505
585	1117101747	Nguyễn Thị Minh Tân	19/10/2003	Nữ	D17TC04	450
586	1117101965	Trần Thị Thảo Nhi	23/04/2003	Nữ	D17TC04	435
587	1117102398	Nguyễn Thị Yến Nhi	24/04/2003	Nữ	D17TC04	420
588	1117100128	Hoàng Trà My	30/11/2003	Nữ	D17TC01	400
589	1117101700	Nguyễn Thị Bích Ngọc	26/08/2003	Nữ	D17TC01	535
590	1117100129	Ngô Thị Anh Phương	04/09/2003	Nữ	D17TC01	410
591	1117101707	Lê Thị Thu Phương	22/04/2003	Nữ	D17TC01	540
592	1117101771	Đỗ Bảo Châm	29/11/2003	Nữ	D17TC02	425
593	1117102380	Trần Phương Anh	29/11/2003	Nữ	D17TC03	475
594	1117101953	Trần Quốc Cường	16/10/2003	Nam	D17TC03	450
595	1117102388	Nguyễn Diệu Hoa	27/07/2003	Nữ	D17TC03	400
596	1117101964	Trần Thị Diệu Linh	14/08/2003	Nữ	D17TC03	405
597	1117102392	Nguyễn Khánh Linh	10/02/2003	Nữ	D17TC03	400
598	1117101967	Bùi Minh Quang	16/05/2003	Nam	D17TC03	740
599	1117102405	Dương Thùy Trang	08/06/2003	Nữ	D17TC03	505
600	1117102808	Nguyễn Phương Anh	20/09/2003	Nữ	D17TC04	445
601	1117103126	Vũ Thị Thu Trang	28/09/2003	Nữ	D17TC04	500
602	1117070575	Đỗ Bảo Anh	15/11/2003	Nữ	D17TL01	570
603	1117070564	Nguyễn Thu Hà	22/06/2003	Nữ	D17TL01	700
604	1117070569	Đỗ Đình Hải	29/08/2003	Nam	D17TL01	535
605	1117070534	Mai Hà Phương	21/12/2003	Nữ	D17TL01	600
606	1117070555	Nguyễn Thị Sáng	29/01/2003	Nữ	D17TL01	445
607	1117070038	Nguyễn Minh Tâm	27/08/2003	Nữ	D17TL01	520
608	1117070559	Trần Vũ Thắng	26/02/2003	Nam	D17TL01	550
609	1117070547	Đoàn Như Trang	23/10/2003	Nữ	D17TL01	465
610	1117072268	Hoàng Đình Quỳnh Anh	04/12/2003	Nữ	D17TL02	600
611	1117072748	Nguyễn Như Lan	10/10/2003	Nữ	D17TL02	640
612	1117073054	Phạm Hữu Hùng	07/01/2003	Nam	D17TL03	465
613	1117070582	Vũ Khánh Linh	02/09/2003	Nữ	D17TL03	420
614	1117070586	Lê Thu Hương	06/12/2003	Nữ	D17TL03	720

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Tổng điểm
615	1117070037	Phạm Khánh Chi	13/09/2003	Nữ	D17TL01	405
616	1117070565	Nguyễn Hương Giang	26/11/2003	Nữ	D17TL01	580
617	1117070583	Nguyễn Thị Thủy Linh	08/11/2003	Nữ	D17TL01	625
618	1117070541	Nguyễn Thị Xuân Mai	09/08/2003	Nữ	D17TL01	695
619	1117070545	Nguyễn Ngọc Mai	16/10/2003	Nữ	D17TL01	415
620	1117070031	Vương Duy Phúc	31/03/2002	Nam	D17TL01	635
621	1118120017	Mai Trung Hiếu	02/10/2004	Nam	D18HQ01	720
622	1118080083	Vũ Trần Quang	13/09/2004	Nam	D18LK01	590
623	1118080110	Nguyễn Thị Lê Vi	10/11/2004	Nữ	D18LK01	625
624	1118080025	Nguyễn Bình Dương	18/01/2004	Nữ	D18LK01	555
625	1118080099	Đinh Thị Vân Trang	30/08/2004	Nữ	D18LK01	610
626	1118080071	Trần Phương Ngân	21/12/2004	Nữ	D18LK01	570
627	1118080031	Phạm Thị Hương Giang	22/07/2004	Nữ	D18LK02	805
628	1118050189	Nguyễn Thị Thu Phương	08/11/2004	Nữ	D18QK03	615
629	1118010380	Nguyễn Thị Phương Quyên	16/11/2003	Nữ	D18QL04	550
630	1118010463	Nguyễn Thị Huyền Trang	30/06/2003	Nữ	D18QL08	630
631	1119040053	Vũ Trung Kiên	13/09/2005	Nam	D19CT01	740

Danh sách này có 631 sinh viên./

HIỆP TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng